

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang

Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Bùi Trường G, sinh năm 1975; nơi thường trú: số nhà G, phố H, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; nơi thường trú: tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 18/12/2024, Bản tự khai và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Bùi Trường G trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn tháng 12 năm 2014, anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng vào làm ăn, sinh sống tại Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế, vợ chồng không hợp nhau. Từ cuối năm 2019 vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Bùi Xuân A, sinh ngày 06/9/2017. Hiện con chung đang ở với chị D, vợ chồng ly hôn anh đồng ý để chị D nuôi cháu A.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh G vắng mặt.

* Tại biên bản ghi lời khai bị đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh G kết hôn tháng 12 năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn và sinh sống tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh G không tu trí làm ăn, vợ chồng không hợp nhau. Từ cuối năm 2019 chị và cháu A về sinh sống tại tổ dân phố T, thị trấn N, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh G làm đơn xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh G.

Về con chung: chị và anh G có con chung 01 con chung là Bùi Xuân A, sinh ngày 06/9/2017, hiện con chung đang ở với chị, vợ chồng ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị D vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn xử cho anh Bùi Trường G được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: giao cho chị D nuôi dưỡng con chung là Bùi Xuân A, sinh ngày 06/9/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con: không đề nghị giải quyết.

Về án phí: anh Bùi Trường G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào ý kiến đề nghị của đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Bùi Trường G khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung với chị Nguyễn Thị D có nơi thường trú tại tổ dân phố T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên toà anh Bùi Trường G, chị Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng

mặt anh G, chị D là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh G và chị D kết hôn với nhau năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, quan điểm làm ăn kinh tế. Từ cuối năm 2019, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh G xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin được ly hôn với chị D. Tại biên bản ghi lời khai chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh G xin ly hôn, chị đồng ý ly hôn với anh G. Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương cho biết chị Nguyễn Thị D có kết hôn với anh Bùi Trường G theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị D và anh G đi làm ăn không chung sống tại địa phương, cách đây khoảng 4 năm đến 5 năm chị D và cháu A về tổ dân phố T, thị trấn N sinh sống. Quá trình tìm hiểu được biết lý do chị D về quê sinh sống là do mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay anh G xin ly hôn chị D đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy, anh G và chị D đã sống ly thân từ năm 2019, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh G được ly hôn chị D là phù hợp.

[3] Về con chung: anh G và chị D có 01 con chung là Bùi Xuân A, sinh ngày 06/9/2017. Vợ chồng ly hôn, chị D xin được nuôi dưỡng con chung, chị D không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy: chị D và anh G có 01 con chung chưa thành niên, chị D có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu A. Anh G đồng ý để cho chị D nuôi cháu A. Hiện nay chị D hiện làm kinh doanh có thu nhập ổn định nên đủ khả năng và điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại biên bản làm việc cháu A có nguyện vọng được ở với chị D nên cần giao cho chị D nuôi dưỡng cháu A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh G, chị D không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: anh Bùi Trường G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Bùi Trường G được ly hôn chị Nguyễn Thị D.
2. Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi con chung là Bùi Xuân A, sinh ngày 06/9/2017.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh Bùi Trường G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003552 ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận anh Bùi Trường G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND thị trấn Vụ Bản;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Oanh